



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 187-KL/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ
về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức
trong hệ thống chính trị

Căn cứ Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII về sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình đơn vị hành chính 2 cấp, để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong sắp xếp, bố trí lãnh đạo cấp phó trong cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; sau khi xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương (*Tờ trình số 382-TTr/BTCTW, ngày 28/8/2025*), Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị như sau:

1. Mục đích, yêu cầu, phạm vi

1.1. Nghiên cứu, quy định về định hướng số lượng cấp phó của các cơ quan, tổ chức (từ cấp thứ trưởng và tương đương trở xuống) cho giai đoạn 2030 - 2035.

1.2. Thực hiện đồng bộ, thống nhất về số lượng cấp phó giữa các địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị, bảo đảm các cơ quan tổ chức tinh, gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp thực tiễn và không cào bằng, có tính đến đặc thù đối với các đơn vị thực hiện hợp nhất, sáp nhập.

1.3. Phạm vi áp dụng gồm: (1) Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ các cấp; Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã. (2) Các cơ quan của Quốc hội. (3) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. (4) Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước. (5) Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan chuyên môn của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. (6) Cấp uỷ cấp xã.

2. Quan điểm

2.1. Quán triệt chủ trương Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; việc quy định, định hướng số lượng cấp phó phải bảo đảm tinh gọn, tổ chức bộ máy và các cơ quan, tổ chức hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương trong hệ thống chính trị, phù hợp với việc sắp xếp, bố trí nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ các cấp và lộ trình chuyển tiếp hợp lý, giảm dần số lượng cấp phó hiện nay để đến hết năm 2030 số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện đúng định hướng, quy định của Bộ Chính trị.

2.2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tổng số cấp phó các cơ quan, tổ chức trực thuộc mỗi cấp; cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về số lượng cấp phó cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, bảo đảm không vượt quá tổng số cấp phó được quy định.

2.3. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức trên cơ sở: (1) Kế thừa các quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn. (2) Chức năng, nhiệm vụ; quy mô và phạm vi lãnh đạo, quản lý (số tổ chức trực thuộc; số lượng biên chế, đảng viên, đoàn viên, hội viên...); tính chất đặc thù về tổ chức và hoạt động các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; phân loại đơn vị hành chính (quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc cấp tỉnh, điều kiện kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù), phân loại đô thị, bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

3. Nguyên tắc định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức

Định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải bảo đảm đồng thời các nguyên tắc sau:

3.1. Số lượng cấp phó tối đa không quá 50% tổng số biên chế được giao của cơ quan, tổ chức (không áp dụng đối với cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp xã).

3.2. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức phải bảo đảm nguyên tắc số lượng cấp phó trong 1 tổ chức trực thuộc tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của tổ chức cấp trên trực tiếp (như: Số lượng phó cục trưởng, phó vụ trưởng của 1 cục, vụ tối đa không vượt quá số lượng thứ trưởng; số lượng phó trưởng phòng của 1 phòng trực thuộc cục, vụ tối đa không vượt quá số lượng phó cục trưởng, phó vụ trưởng; số lượng phó trưởng phòng của 1 phòng trực thuộc sở tối đa không vượt quá số lượng phó giám đốc sở...). Các cơ quan,

tổ chức cùng cấp thì số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức không có tổ chức bên trong tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức có tổ chức bên trong (như: Số lượng phó vụ trưởng tối đa không vượt quá số lượng phó cục trưởng); cơ quan, tổ chức nào có nhiều đầu mối trực thuộc hơn thì số lượng cấp phó tối đa có thể nhiều hơn.

3.3. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức cụ thể như sau:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương không thực hiện hợp nhất, sáp nhập

- Số lượng thứ trưởng và tương đương, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã...; số lượng cấp phó đầu mối bên trong cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương cơ bản thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa:

+ Ở Trung ương: (1) Số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 5 người; cấp phó các ban, cơ quan của Đảng ở Trung ương thực hiện theo quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. (2) Số lượng phó vụ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 3 người. (3) Số lượng phó trưởng phòng và tương đương tối đa thực hiện theo quy định về số lượng cấp phó của phòng và tương đương thuộc bộ, ngành.

Trường hợp đặc biệt cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Ở địa phương: Thực hiện theo quy định về số lượng cấp phó của chức danh, chức vụ tương đương thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng cấp xã.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương thực hiện hợp nhất, sáp nhập

- Số lượng cấp phó các ban, bộ, ngành Trung ương thành lập mới trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập nhiều cơ quan, tổ chức cùng cấp:

+ Đối với ban, bộ, ngành chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa: (1) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 2 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 6 người. (2) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 3 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 7 người.

+ Đối với ban, bộ, ngành đã có quy định số lượng cấp phó tối đa: (1) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 2 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và

tương đương tối đa không vượt quá 1 người so với quy định hiện hành. (2) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 3 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 2 người so với quy định hiện hành và bảo đảm số lượng thứ trưởng và tương đương của ban, bộ, ngành không vượt quá 7 người.

+ Đối với cấp vụ, cục: (1) Vụ, cục được hợp nhất, sáp nhập từ 2 cơ quan thì số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 1 người so với quy định hiện hành. (2) Vụ, cục được hợp nhất, sáp nhập từ 3 cơ quan thì số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 2 người so với quy định hiện hành và bảo đảm không vượt quá số lượng cấp phó của cấp trên trực tiếp.

- Về số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố:

+ Đối với Thành phố Hồ Chí Minh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân Thành phố tối đa không vượt quá 2 người; số lượng phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tối đa không vượt quá 3 người so với quy định hiện hành của Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đối với thành phố trực thuộc Trung ương có thực hiện sáp nhập: (1) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 2 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 1 người; số lượng phó chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 2 người so với quy định hiện hành của tỉnh, thành phố sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất hoặc theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của thành phố sau sắp xếp. (2) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 3 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 2 người; số lượng phó chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 3 người so với quy định hiện hành của tỉnh, thành phố sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất hoặc theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của thành phố sau sắp xếp.

+ Đối với các tỉnh: (1) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 2 tỉnh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 1 người; phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 2 người so với quy định hiện hành của tỉnh sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất hoặc theo phân loại đơn vị hành chính của tỉnh sau sắp xếp. (2) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 3 tỉnh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 1 người; số lượng phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 3 người so với quy định hiện hành của tỉnh sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất hoặc theo phân loại đơn vị hành chính của tỉnh sau sắp xếp.

- Đối với ban, sở, ngành của tỉnh, thành phố: (1) Hợp nhất, sáp nhập từ 2 tỉnh, thành phố thì số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương tối đa không vượt quá 1 người/1 cơ quan; trường hợp ban, sở, ngành mới hợp nhất, sáp nhập thì số lượng tối đa không vượt quá 2 người/1 cơ quan so với quy định hiện hành. (2) Hợp nhất, sáp nhập từ 3 tỉnh, thành phố thì số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương tối đa không vượt quá 2 người/1 cơ quan; trường hợp ban, sở, ngành mới hợp nhất, sáp nhập thì số lượng tối đa không vượt quá 3 người/1 cơ quan so với quy định hiện hành và bảo đảm không vượt quá số lượng cấp phó của cấp trên trực tiếp. (3) Các sở đặc thù, phòng trực thuộc sở... chỉ có ở 1 tỉnh, thành phố khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì giữ nguyên số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương theo quy định hiện hành.

- Đối với cơ quan, tổ chức trực thuộc ban, bộ, ngành ở Trung ương (như: vụ, cục, phòng và tương đương); trực thuộc ban, sở, ngành cấp tỉnh (như: phòng và tương đương) chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa thì số lượng cấp phó theo quy định tại Điểm a, Khoản 3.3, Mục 3; số lượng cấp phó tối đa (tăng thêm) theo quy định tại Điểm b, Khoản 3.3, Mục 3 (như: Số lượng phó vụ trưởng thuộc cơ quan chưa có quy định về số lượng phó vụ trưởng, theo Điểm a được xác định tối đa là 3 người, nếu 2 vụ sáp nhập theo Điểm b tối đa không vượt quá 1 người, theo đó vụ mới có tối đa 4 phó vụ trưởng...).

c) Đối với các cơ quan, tổ chức ở cơ quan Trung ương tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của các cơ quan, tổ chức hoặc thành lập mới trên cơ sở tổ chức lại (như: từ tổng cục thành cục; các chi cục khu vực...): Số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 1 người so với số lượng quy định hiện hành.

d) Đối với các xã, phường, đặc khu

- Số lượng phó bí thư: 2 (1 phó bí thư thường trực, 1 phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân).

- Bình quân mỗi xã, phường, đặc khu có: 1 phó chủ tịch hội đồng nhân dân; bình quân 2,5 phó chủ tịch uỷ ban nhân dân; bình quân 2 cấp phó/1 ban, phòng và tương đương. Trên cơ sở số lượng xã, phường, đặc khu, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh: (1) Xác định tổng số phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân, phó các ban, phòng cấp xã trong toàn tỉnh, thành phố. (2) Lãnh đạo, chỉ đạo việc quyết định cụ thể số lượng cấp phó phù hợp với quy mô diện tích, dân số, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, GRDP, thu ngân sách nhà nước, số lượng tổ chức đảng, đảng viên, đoàn viên, hội viên... đối với từng xã, phường, đặc khu.

đ) Số lượng ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ: Ban Tổ chức Trung ương tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định cụ thể riêng.

3.4. Trường hợp đặc biệt, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Phân công thực hiện

Trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc nêu trên, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao các cơ quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

4.1. Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Rà soát lại các chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Chính phủ quản lý, bảo đảm thống nhất về tên gọi từng loại hình tổ chức và phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật. (2) Ban hành tiêu chí xác định số lượng cấp phó; quy định số lượng cấp phó cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức theo phân cấp quản lý, bảo đảm không vượt quá định hướng, quy định số lượng cấp phó của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.2. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo: Ban hành tiêu chí xác định số lượng cấp phó; quy định số lượng cấp phó cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Quốc hội theo phân cấp quản lý và số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng cấp phó trong các ban của hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng cấp phó của văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm không vượt quá định hướng, quy định số lượng cấp phó của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo ban hành tiêu chí xác định số lượng cấp phó; quy định số lượng cấp phó cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Cơ quan Trung ương Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phó chủ tịch các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương và bí thư Trung ương Đoàn, bảo đảm không vượt quá định hướng, quy định số lượng cấp phó của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương đề xuất quy định số lượng cấp phó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, cấp phó trong các cơ quan, tổ chức thuộc Cơ quan Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

4.4. Đảng uỷ Văn phòng Chủ tịch nước, Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao, Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng uỷ Kiểm toán Nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo ban hành tiêu chí xác định số lượng cấp phó; quy định số lượng cấp phó cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị theo phân cấp quản lý, bảo đảm không vượt quá định hướng, quy định số lượng cấp phó của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm

kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) để xem xét theo quy định.

4.6. Ban Tổ chức Trung ương:

- Đề xuất, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành quy định số lượng cấp phó cụ thể trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương, cấp uỷ cấp tỉnh, cấp xã; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; số lượng phó bí thư cấp uỷ cấp xã.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm đúng quy định.

- Trong năm 2030, chủ trì, phối hợp với các cấp uỷ, tổ chức đảng tổng kết Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị để tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận mới về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong giai đoạn tiếp theo cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



**TỈNH ỦY HƯNG YÊN
VĂN PHÒNG**

*

Số 565- BS/VPTU

SAO Y

Hưng Yên, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Nơi nhận:

- Các ban đảng tỉnh,
- Đảng ủy HĐND, ĐU MTTQVN tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đ/c UV BTVTU,
- Lưu VPTU.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Thái Văn Minh